

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Quận T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1126/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN Quận T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Khê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kiều Hạnh

2. Ông Hoàng Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 666/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Kim N, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 41 Đường 4, Tổ 12, khu phố N, phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Nhà không số (kế bên nhà số 1286/13/3), hẻm 1286/13, đường N, khu phố P, phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Châu Hoàng Q, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 49/9A Đường 100, Tổ 6, Khu phố 1, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đào Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Châu Hoàng Q tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyền số 01/2013 ngày 12 tháng 11 năm 2013.

Sau khi kết hôn, Bà và ông Q chung sống cùng cha, mẹ ruột của Bà tại phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02 năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q nhiều lần phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng dần dần lạnh nhạt. Từ năm 2015, Bà và ông Q đã ly thân. Trong thời gian ly thân, do không có tiếng nói chung nên hai bên không trao đổi chuyện hàn gắn và giải quyết mâu thuẫn. Nay bà Nghiêm xác định Bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Q, không có mong muốn hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Châu Hoàng Q.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Châu Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013 và Châu A, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2014. Nếu ly hôn, bà Nghiêm yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông Châu Hoàng Q đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2020 nộp cho Tòa án, ông Q trình bày: Ông xác nhận quá trình tìm hiểu và kết hôn như bà Nghiêm đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Q trình bày là do bà Nghiêm đã 03 lần ngoại tình, ông Q nhiều lần bắt gặp vợ đang nhắn tin trao đổi chuyện tình cảm nam nữ với người khác. Ông đã nhiều lần cho vợ cơ hội nhưng bà Nghiêm đều không sửa đổi nên từ tháng 6 năm 2017 đến nay Ông đã dọn về ở cùng cha, mẹ ruột tại phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay Ông xác định không còn tình cảm với bà Nghiêm, không có mong muốn hàn gắn đoàn tụ nên Ông đồng ý ly hôn với bà Đào Thị Kim N.

Về con chung: Ông xác nhận có 02 người con chung tên Châu Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013 và Châu A, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2014. Ông đồng ý giao cả 02 con cho bà Nghiêm trực tiếp nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đào Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn ông Châu Hoàng Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật; Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đào Thị Kim N được ly hôn với ông Châu Hoàng Q; Về con chung: Giao bà Nghiêm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung tên Châu Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013 và Châu A, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2014, ghi nhận việc ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có. Về án phí sơ thẩm: Bà Nghiêm phải chịu án phí ly hôn, ông Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đào Thị Kim N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Châu Hoàng Q, ông Q có nơi cư trú tại phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Đào Thị Kim N, ông Châu Hoàng Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nghiêm, ông Q.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Đào Thị Kim N và ông Châu Hoàng Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2013 ngày 12 tháng 11 năm 2013 nên hôn nhân giữa bà Nghiêm và ông Q là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Nghiêm thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông Q có tình cảm với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm lạnh nhạt và hiện đã ly thân, nên bà Nghiêm yêu cầu được ly hôn với ông Q. Theo ông Q thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là

do bà Nghiêm nhiều lần phát sinh tình cảm với người khác, dù nhiều lần được chồng cho cơ hội nhưng bà Nghiêm không sửa đổi, hai vợ chồng không còn duy trì cuộc sống chung từ năm 2017, Ông cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng nên Ông đồng ý ly hôn với bà Nghiêm.

Xét thấy, mâu thuẫn chung vợ chồng giữa bà Nghiêm và ông Q xuất phát từ việc hai vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Trong thời gian ly thân, không ai có thiện chí hàn gắn và có mong muốn hàn gắn đoàn tụ, chứng tỏ hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân nên mâu thuẫn giữa bà Nghiêm và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nghiêm xin được ly hôn, ông Q cũng đồng ý ly hôn. Nhưng ông Q không tham gia hòa giải để thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Nghiêm và ông Q có 02 con chung tên Châu Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013 và Châu A, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2014. Bà Nghiêm yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, trẻ Châu Y có nguyện vọng được sống cùng mẹ, ông Q đồng ý giao cả 02 con cho bà Nghiêm trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không tham gia phiên hòa giải để ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng khi ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cả 02 con cho bà Nghiêm trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, bà Nghiêm không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nhưng việc ông Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi, là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đào Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn, bị đơn ông Châu Hoàng Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Kim N được ly hôn với ông Châu Hoàng Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyền số 01/2013, đăng ký ngày 12 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao bà Đào Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung tên Châu Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013 và Châu A, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2014.

Ông Châu Hoàng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Đào Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Châu Hoàng Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì bà Nghiêm có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Q.

Bà Nghiêm cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nghiêm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: AA/2019/0013986 ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Châu Hoàng Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bà Đào Thị Kim N, ông Châu Hoàng Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- UBND phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Khê